



ASEAN SECURITIES
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Vùng hỗ trợ gần quanh 1.800 điểm

ASEANSC Research | 08-06-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index tiếp tục rung lắc

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu

1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

➤ **VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh thứ ba sau liên tiếp. Chỉ số kết tuần quanh mức 1.838,09 điểm, giảm 1,32% so với thứ Sáu liền trước.** Sắc đỏ tiếp tục chiếm ưu thế trên toàn thị trường, trong đó áp lực bán lớn nhất chủ yếu thuộc về các nhóm Bất động sản, Dầu khí và Chứng khoán.

➤ **Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục biến động rung lắc trong thời gian tới.** Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)

➤ **Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ.** Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index tiếp tục rung lắc



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 08/06/2026 – 12/06/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
VCB	Ngân hàng	60 – 61	64 +/-	Thấp (10% - 30%)
ACB	Ngân hàng	24 – 25	27 +/-	
HCM	Chứng khoán	25 – 26	28 +/-	
VIX	Chứng khoán	16 – 17	19 +/-	
GVR	Cao su	33 – 34	36 +/-	
BSR	Dầu khí	27 – 28	30 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

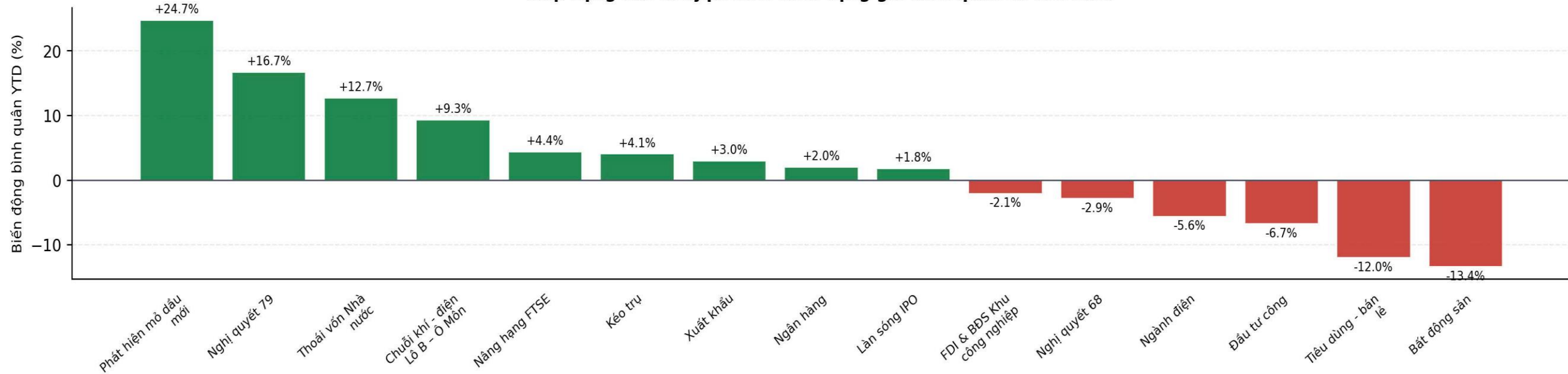
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 01/06/2026 – 05/06/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
HDB	Ngân hàng	24 – 25	N/A
ACB	Ngân hàng	23 – 24	5,02%
SHS	Chứng khoán	17 – 18	0%
GVR	Cao su	33 – 34	N/A
BSR	Dầu khí	27 – 28	N/A
PAN	Xuất khẩu	23 – 24	N/A

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Xếp hạng câu chuyện theo biến động giá bình quân từ đầu năm



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	305	24	329	7%	5%	12.939	31,1	1,8
VNM	(484)	(30)	(514)	28%	1%	20.900	11,9	3,3
BVH	70	7	77	18%	20%	7.423	11,6	2,0
POW	(8)	5	(3)	10%	29%	30.678	12,5	0,9
VGC	(11)	(7)	(18)	14%	12%	4.484	14,3	1,5
GAS	(28)	(77)	(106)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
BSR	(251)	(129)	(380)	21%	192%	50.073	10,9	2,1

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	471	1.496	1.967	27%	20%	17.035	13,2	3,2
HDB	215	(138)	77	24%	28%	50.053	7,2	1,5
GMD	246	(42)	204	16%	44%	4.265	18,1	2,1
DGW	(87)	(3)	(90)	19%	1640%	2.213	13,7	2,4
PNJ	(6)	(9)	(16)	28%	31%	5.119	6,2	1,5
REE	(106)	(0)	(106)	13%	15%	5.417	24,4	1,1
VPB	(237)	(362)	(600)	16%	35%	79.339	8,0	1,1
ACB	3.375	(455)	2.920	17%	14%	51.367	8,3	1,4
TCB	(566)	(273)	(839)	15%	10%	70.862	8,6	1,2
MWG	(165)	21	(145)	25%	525%	14.697	14,0	3,2

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	305	24	329	7%	5%	12.939	31,1	1,8
OIL	(5)	(1)	(5)	9%	-10%	2.014	16,8	1,3
GAS	(28)	(77)	(106)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
PVS	(16)	13	(3)	13%	31%	5.114	10,4	1,2
PVD	(36)	11	(25)	7%	-224%	5.563	14,4	1,0
BSR	(251)	(129)	(380)	21%	192%	50.073	10,9	2,1

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	305	24	329	7%	5%	12.939	31,1	1,8
GVR	91	(2)	89	12%	7%	40.000	21,2	2,1
BVH	70	7	77	18%	20%	7.423	11,6	2,0
POW	(8)	5	(3)	10%	29%	30.678	12,5	0,9
BID	(184)	(9)	(192)	18%	31%	72.801	9,5	1,5
GAS	(28)	(77)	(106)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
BSR	(251)	(129)	(380)	21%	192%	50.073	10,9	2,1
VCB	163	(23)	140	16%	13%	83.557	14,3	2,2
CTG	(285)	(258)	(543)	22%	25%	77.669	6,9	1,4

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	(484)	(30)	(514)	28%	1%	20.900	11,9	3,3
DGW	(87)	(3)	(90)	19%	1640%	2.213	13,7	2,4
PNJ	(6)	(9)	(16)	28%	31%	5.119	6,2	1,5
MSN	(139)	(169)	(308)	18%	18%	14.459	21,3	2,3
FRT	16	(92)	(76)	27%	-69%	1.703	26,7	4,1
MWG	(165)	21	(145)	25%	525%	14.697	14,0	3,2

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	37	(10)	27	28%	70%	3.795	8,8	1,9
BCM	7	(25)	(18)	15%	26%	10.350	16,5	2,5
KBC	(64)	(30)	(94)	6%	112%	9.418	16,8	1,0
VGC	(11)	(7)	(18)	14%	12%	4.484	14,3	1,5
PHR	(37)	(71)	(108)	17%	7%	1.355	12,5	1,9
SZC	1	(0)	1	7%	6%	1.800	17,4	1,3

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	(512)	(134)	(646)	8%	23%	18.852	28,4	2,1
HDB	215	(138)	77	24%	28%	50.053	7,2	1,5
BID	(184)	(9)	(192)	18%	31%	72.801	9,5	1,5
VPB	(237)	(362)	(600)	16%	35%	79.339	8,0	1,1
MBB	(21)	(15)	(36)	21%	20%	80.550	7,2	1,3
ACB	3.375	(455)	2.920	17%	14%	51.367	8,3	1,4
VCB	163	(23)	140	16%	13%	83.557	14,3	2,2
TCB	(566)	(273)	(839)	15%	10%	70.862	8,6	1,2
CTG	(285)	(258)	(543)	22%	25%	77.669	6,9	1,4

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	(248)	(199)	(447)	16%	3%	76.755	8,6	1,3
CTD	74	21	94	9%	169%	1.140	9,2	0,8
HHV	(45)	0	(45)	6%	24%	5.472	9,4	0,5
VCG	(165)	3	(162)	36%	112%	6.465	3,0	1,0
BMP	(27)	(20)	(47)	42%	73%	819	8,8	3,4

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(8)	5	(3)	10%	29%	30.678	12,5	0,9
NT2	(4)	(12)	(16)	25%	300%	2.879	5,7	1,3
TV2	(0)	(1)	(1)	6%	211%	3.583	12,0	0,7
GEG	(106)	(0)	(106)	13%	15%	5.417	24,4	1,1
REE	15	(77)	(62)	17%	38%	4.113	6,5	0,8
PC1	(8)	5	(3)	10%	29%	30.678	12,5	0,9

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(8)	5	(3)	10%	29%	30.678	12,5	0,9
GAS	(28)	(77)	(106)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
PVS	(16)	13	(3)	13%	31%	5.114	10,4	1,2
PVD	(36)	11	(25)	7%	-224%	5.563	14,4	1,0

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	163	(23)	140	16%	13%	83.557	14,3	2,2
FPT	471	1.496	1.967	27%	20%	17.035	13,2	3,2
VNM	(484)	(30)	(514)	28%	1%	20.900	11,9	3,3
HPG	(248)	(199)	(447)	16%	3%	76.755	8,6	1,3
BID	(184)	(9)	(192)	18%	31%	72.801	9,5	1,5
TCB	(566)	(273)	(839)	15%	10%	70.862	8,6	1,2
CTG	(285)	(258)	(543)	22%	25%	77.669	6,9	1,4
VHM	(916)	(274)	(1.190)	26%	5%	41.074	9,8	2,3

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	471	1.496	1.967	27%	20%	17.035	13,2	3,2
VNM	(484)	(30)	(514)	28%	1%	20.900	11,9	3,3
HPG	(248)	(199)	(447)	16%	3%	76.755	8,6	1,3
VPB	(237)	(362)	(600)	16%	35%	79.339	8,0	1,1
MBB	(21)	(15)	(36)	21%	20%	80.550	7,2	1,3
VCB	163	(23)	140	16%	13%	83.557	14,3	2,2
TCB	(566)	(273)	(839)	15%	10%	70.862	8,6	1,2
VHM	(916)	(274)	(1.190)	26%	5%	41.074	9,8	2,3
SSI	(800)	(99)	(900)	14%	17%	24.931	12,8	1,5

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	8	(14)	(6)	6%	-2%	4.851	16,9	0,7
PDR	(225)	(43)	(267)	5%	-9%	9.978	24,8	1,2
KDH	122	10	132	9%	17%	11.222	21,1	1,2
VHM	(916)	(274)	(1.190)	26%	5%	41.074	9,8	2,3
TCH	(62)	(16)	(78)	2%	13%	9.121	63,6	0,9

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	163	(244)	(81)	19%	76%	24.349	19,0	2,6
TCX	(13)	(145)	(158)	14%	21%	23.116	15,8	2,0
VCI	14	(73)	(59)	9%	12%	11.476	18,4	1,5
MBS	77	1	79	15%	20%	6.673	10,6	1,5
VND	204	(75)	129	11%	5%	15.223	12,3	1,2
VIX	107	80	188	26%	209%	24.503	10,4	1,3
SHS	(22)	62	40	11%	68%	8.995	12,8	1,3
HCM	(76)	(16)	(92)	10%	5%	10.808	21,7	1,9
SSI	(800)	(99)	(900)	14%	17%	24.931	12,8	1,5

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	163	(23)	140	16%	13%	83.557	14,3	2,2	61.700	57.100	8%	Nâng hạng FTSE
BID	(184)	(9)	(192)	18%	31%	72.801	9,5	1,5	42.000	38.450	9%	Nghị quyết 79
CTG	(285)	(258)	(543)	22%	25%	77.669	6,9	1,4	33.900	35.500	-5%	Nghị quyết 79
TCB	(566)	(273)	(839)	15%	10%	70.862	8,6	1,2	31.700	34.230	-7%	Nghị quyết 68
VPB	(237)	(362)	(600)	16%	35%	79.339	8,0	1,1	26.450	27.413	-4%	Nghị quyết 68
HDB	215	(138)	77	24%	28%	50.053	7,2	1,5	25.500	28.950	-12%	Nghị quyết 68
TCX	(13)	(145)	(158)	14%	21%	23.116	15,8	2,0	39.800	37.758	5%	Làn sóng IPO
VCI	14	(73)	(59)	9%	12%	11.476	18,4	1,5	24.150	24.617	-2%	Nâng hạng FTSE

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	471	1.496	1.967	27%	20%	17.035	13,2	3,2	75.000	93.709	-20%	Nghị quyết 68
HPG	(248)	(199)	(447)	16%	3%	76.755	8,6	1,3	23.750	23.163	3%	Nâng hạng FTSE
PVS	(16)	13	(3)	13%	31%	5.114	10,4	1,2	38.700	35.500	9%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	(36)	11	(25)	7%	-224%	5.563	14,4	1,0	30.700	29.100	5%	Phát hiện mỏ dầu mới
PNJ	(6)	(9)	(16)	28%	31%	5.119	6,2	1,5	65.700	97.553	-33%	Nghị quyết 68
VNM	(484)	(30)	(514)	28%	1%	20.900	11,9	3,3	58.400	60.300	-3%	Nâng hạng FTSE
MSN	(139)	(169)	(308)	18%	18%	14.459	21,3	2,3	73.100	76.800	-5%	Nâng hạng FTSE
MWG	(165)	21	(145)	25%	525%	14.697	14,0	3,2	78.000	87.400	-11%	Nghị quyết 68

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	(251)	(129)	(380)	21%	192%	50.073	10,9	2,1	28.500	16.250	75%	Nghị quyết 79
IDC	37	(10)	27	28%	70%	3.795	8,8	1,9	43.400	36.000	21%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	(21)	(15)	(36)	21%	20%	80.550	7,2	1,3	25.000	25.350	-1%	Ngân hàng
ACB	3.375	(455)	2.920	17%	14%	51.367	8,3	1,4	26.150	24.000	9%	Nghị quyết 68
VHM	(916)	(274)	(1.190)	26%	5%	41.074	9,8	2,3	152.000	132.600	15%	Bất động sản
CTD	74	21	94	9%	169%	1.140	9,2	0,8	72.700	71.043	2%	Đầu tư công
GEX	257	(18)	239	11%	78%	13.085	18,6	0,9	32.000	28.272	13%	Nâng hạng FTSE

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**